

Bản án số: 671/2025/HC-PT

Ngày 28-5-2025.

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú.

Bà Trần Thị Thúy Hồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Phước Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 92/2025/TLPT-HC ngày 14/02/2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 204/2024/HC-ST ngày 22-11-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1446/2025/QĐPT-HC ngày 28 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954; địa chỉ: khu phố A, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1968; địa chỉ: khu phố G, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

- **Người bị kiện:**

+ Ủy ban nhân dân thành phố P; xin vắng mặt.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P; xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

. Ông Nguyễn Xuân V, Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố P; có mặt.

. Bà Phạm Thị Minh H, Luật sư thuộc Văn phòng L, Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận; xin vắng mặt.

+ Bà Trần Thị Q, sinh năm 1958; địa chỉ: Khu phố A, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Q: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1968; địa chỉ: khu phố G, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm 1983; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Thái H1, sinh năm 1986; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Thái B, sinh năm 1989; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng Y, sinh năm 1991; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: khu phố A, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A, ông H1, ông B, bà Y: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1968; địa chỉ: khu phố G, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ngày 29/12/2006, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố P, tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 12966/QĐ-UBND (gọi tắt là Quyết định 12966), thu hồi 14.539m² đất và điều chỉnh giảm diện tích xuống còn 13.235m² (thửa số 34, tờ bản đồ số 9) tại Quyết định số 7433/QĐ-UBND ngày 22/10/2007 (gọi tắt là Quyết định 7433) của hộ ông Nguyễn Văn T tại xã T, để thực hiện quy hoạch sử dụng đất hai bên đường 706B (đoạn Km7 +436 đến Km15); ngày 30/6/2014, ban hành Quyết định số 2348/QĐ-UBND (gọi tắt là Quyết định 2348), phê duyệt phương án bồi thường về đất và tài sản có trên đất của hộ ông T với tổng số tiền là 1.164.680.000đồng; bồi thường, hỗ trợ về hoa màu, cây trái là 74.386.000 đồng; và ngày 24/01/2018, ban hành Quyết định số 445/QĐ-UBND (gọi tắt là Quyết định 445) phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) đối với hộ ông T với tổng số tiền là 144.900.000 đồng, trong đó, bồi thường, hỗ trợ về đất là 126.000.000 đồng. Hộ ông T không đồng ý với Quyết định 445 nên ngày 22/10/2018, ông T làm đơn khiếu nại Quyết định này.

Ngày 21/5/2021, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 2187/QĐ-UBND (gọi tắt là Quyết định 2187), giải quyết khiếu nại của ông T (lần đầu) với nội dung, không chấp thuận đơn khiếu nại. Do đó, ông T khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết hủy: Quyết định 2187, Quyết định 445 và Quyết định 2348; buộc UBND thành phố P thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định pháp luật, ban hành quyết định phê duyệt bổ sung khoản hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Q.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T đồng ý các khoản bồi thường tại Quyết định 2348 nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện này.

Người bị kiện có ý kiến tại Công văn số 6854/UBND-KT ngày 07/10/2024, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận có ý kiến tại Công văn số 428/PTQĐ-QLQĐ ngày 14/6/2024, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 204/2024/HC-ST ngày 22-11-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định (tóm tắt):

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Hủy Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (lần đầu);

Hủy Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) đối với hộ ông Nguyễn Văn T - bà Trần Thị Q.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) cho hộ ông Nguyễn Văn T - bà Trần Thị Q.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc hủy Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố P.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 13/12/2024, Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P kháng cáo Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa, Người bị kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người khởi kiện tranh luận: Hộ ông T cho rằng Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 24/01/2018, tại thời điểm Luật Đất đai năm 2013 đã có hiệu lực pháp luật nhưng Ủy ban nhân dân thành phố P lại căn cứ và áp dụng các chính sách về đất đai được quy định tại Luật Đất đai năm 2003. Cụ thể là Ủy ban nhân dân thành phố P áp dụng theo Quyết định số 28/2010/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 và Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND ngày 01/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh B đã hết hiệu lực pháp luật để phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) cho hộ ông T là trái quy định pháp luật, ngoài ra Ủy ban nhân dân thành phố P không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Q là thiếu sót.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đương sự đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Quyết định 445 của UBND thành phố P về hỗ trợ (bổ sung) cho Người khởi kiện áp dụng Luật Đất đai năm 2003 là đúng nên kháng cáo của N bị kiện đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu của Người khởi kiện là có cơ sở để chấp nhận. Do đó, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Người bị kiện, thấy rằng: Ngày 29/12/2006, UBND thành phố P ban hành Quyết định 12966, thu hồi 14.539m² đất của hộ ông Nguyễn Văn T tại xã T, thành phố P để thực hiện quy hoạch sử dụng đất hai bên đường 706B theo dự án được duyệt; ngày 22/10/2007, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 7433, điều chỉnh giảm diện tích thu hồi của hộ ông T từ 14.539m² xuống còn 13.235m²; ngày 30/6/2014, UBND thành phố P ban hành Quyết định 2348, phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ ông T; ngày 24/01/2018, UBND thành phố P ban hành Quyết định 445, phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) đối với hộ ông T, gồm hai khoản: *hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư và hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất*; ông T khiếu nại Quyết định 445; ngày 21/5/2021, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định 2187, giải quyết khiếu nại của ông T (lần đầu) với nội dung, không chấp nhận khiếu nại.

[3] Xét thấy, khoản 6 Điều 210 Luật Đất đai năm 2013 quy định “*Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng theo quy định của luật này. Trường hợp những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng theo quy định của luật này*”; khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: *Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt trước ngày 01/7/2014 thì giải quyết theo quy định sau đây: (a) Đối với dự án thuộc trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai, chủ đầu tư đủ điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 58 của Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép tiếp tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai năm 2013*”; khoản 4 Điều 72 Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh B quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất quy định: “*Đối với dự án đầu tư đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê*

duyet phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (chi tiết) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 chưa thực hiện chi trả tiền bồi thường hoặc mới chi trả một phần số tiền bồi thường, hỗ trợ thì việc xử lý bồi thường chậm thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014”.

Quyết định 2348 chưa có phương án phê duyệt kinh phí hỗ trợ chi tiết cho hộ ông T về khoản “*hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư và hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất*” mà mãi đến năm 2018 mới ban hành Quyết định 445 về các khoản hỗ trợ nêu trên theo Luật Đất đai năm 2003. Theo các quy định viện dẫn trên thì trường hợp này phải áp dụng các quy định của Luật Đất đai năm 2013 để giải quyết chính sách hỗ trợ cho hộ ông T. Tại Điều 23, Điều 24 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh B về *bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất* (thực hiện theo Luật Đất đai năm 2013), thì trường hợp hộ ông T phải được “*Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất*” và “*Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm*” theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013.

[4] Quyết định 445 về phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) đối với hộ ông T là không đúng pháp luật nên Quyết định 2187, giải quyết khiếu nại của ông T (lần đầu) với nội dung, giữ nguyên Quyết định 445 cũng không đúng quy định pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện đối với N bị kiện, hủy Quyết định 445 và Quyết định 2187 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa không phù hợp với nhận định trên nên không có cơ sở để chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Người bị kiện phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính,

Không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 204/2024/HC-ST ngày 22-11-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Áp dụng: điểm a, b khoản 2 Điều 83 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Hủy Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch

Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (lần đầu);

Hủy Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) đối với hộ ông Nguyễn Văn T - bà Trần Thị Q.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công vụ xem xét việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) cho hộ ông Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật phù hợp với phần nhận định của bản án liên quan đến yêu cầu của người khởi kiện.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận, mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000518 ngày 20/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu VP; HSVA; NTK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Tuấn